TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 9- 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Duy Phong

2. Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lã Quốc Chỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 709/2017/QĐXX-ST ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ: phường V, quận N, thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1951

Địa chỉ: phường V, quận N, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án ngày 15/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán Việt Nam; có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban hành chính thị xã Hải Dương tỉnh Hải Hưng năm 1975. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng 10 năm trở lại đây thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, mất lòng tin đối với nhau. Dẫn đến gia đình thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ năm 2016, ông T và bà C đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế gia đình. Hai bên gia đình, các con và bà con hàng xóm đã động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên ông T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông T và bà C có ba con chung là Nguyễn Vũ L, sinh năm 1976; Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị L sinh năm 1980 đều đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án ngày 15/5/2017, bị đơn là bà Phạm Thị C trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và mâu thuẫn hiện tại của vợ chồng như lời trình bày của ông T. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp, mất lòng tin đối với nhau. Nay, xét thấy cả hai không còn tình cảm, thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung đều đã trưởng thành như ông T trình bày, bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C đồng ý để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý việc ly hôn của Tòa án, bà C có ý kiến đề nghị có thêm thời gian để suy nghĩ về việc ly hôn giữa bà và ông T.

Tại phiên hòa giải ngày 21 tháng 6 năm 2017, bà C thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn tuy nhiên bà đã sửa chữa và xin lỗi ông T nhưng ông T không chấp nhận. Bà không muốn bỏ lại tài sản do công sức ông gây dựng lên để ra đi. Bà muốn ông T bỏ qua cho lần cuối để con cháu vui vẻ có ông có bà. Do vậy bà không muốn ly hôn ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà C tại hai bên gia đình, chính quyền địa phương, thể hiện: Ông T và bà C có mâu thuẫn từ năm 2006, đến năm 2016 vợ chồng thường xuyên to tiếng, xúc phạm nhau, rất trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách.

Trong quá trình giải quyết vụ án, với mục đích hòa giải cho ông T, bà C đoàn tụ gia đình, Tòa án đã nhiều lần mời hai bên đến Tòa án để tiến hành hòa giải

đoàn tụ. Nhưng bà C không đến Tòa án theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên hòa giải, bà C chỉ ghi quan điểm là tùy ông T. Trong khi đó ông T cương quyết xin ly hôn, cung cấp chứng cứ và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn để ông sống thanh thản với thời gian còn lại của cuộc đời.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn giải quyết vụ án: Ngày 15/5/2017, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn của ông bà. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý về việc giải quyết của Tòa án, bà C thay đổi quan điểm, không đồng ý thuận tình ly hôn với ông T nhưng ông T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn bà C. Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Thông báo đình chỉ giải quyết việc dân sự vào ngày 19/6/2017 và thụ lý vụ án (số thụ lý không thay đổi) để giải quyết theo thủ tục thông thường; Do vậy thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án được tính lại kể từ ngày 20/6/2017. Việc ông T đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông T và bà C hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách và không có niềm tin với nhau dẫn đến ông bà thường xuyên to tiếng cãi nhau. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không

ai quan tâm đến ai về tình cảm, kinh tế. Xét mâu thuẫn giữa ông T và bà C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung: Ông T và bà C có ba con chung đều đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản: Ông T và bà C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị C.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001747 ngày 17/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H; ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo đối với bản án:*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Đương sự;
- UBND TP. Hải Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà